

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 102/2024/DS-PT
Ngày 07 - 3 - 2024
V/v Tranh chấp lời đi

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Sâm

Các Thẩm phán: Ông Văn Công Dân, bà Nguyễn Thị My My

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Nguyên –Thư ký TAND tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Diệu Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 07/3/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 497/2023/TLPT-DS ngày 13 tháng 12 năm 2023, về việc “Tranh chấp lời đi”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 62/2023/DS-ST ngày 13 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2024/QĐ-PT ngày 11 tháng 01 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 73/2024/QĐ-PT ngày 05/02/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1965; địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

Bị đơn: Ông Đỗ Như L1, sinh năm 1955 và bà Trần Thị L2, sinh năm 1961; địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Đỗ Như D, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị Kim L3, sinh năm 1962; địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

- Ông Lê Thái H, sinh năm 1973; địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

- Bà Trần Thị H1, sinh năm 1974; địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

- Bà Lê Thị L4, sinh năm 1967; địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

- Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1959; địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

- Ông Huỳnh Văn H2, bà Ngô Thị H3; địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

* Người kháng cáo: Bị đơn bà Trần Thị L2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn ông T, bà L trình bày:**

Khoảng năm 2011 vợ chồng tôi nhận chuyển nhượng QSD đất của bà Nguyễn Thị Q (hiện nay đang ở thành phố Hồ Chí Minh, địa chỉ cụ thể tôi không biết) bao gồm: Thửa đất số 77, tờ bản đồ số 33 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN265078; thửa đất số 86, tờ bản đồ số 33 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN265079. Hai thửa đất nói trên liền kề nhau và có vị trí tứ cận như sau:

Đông giáp đất ông L1 và ông T2; Tây giáp đường đi; Nam giáp đất ông L1, Bắc giáp đất bà L3.

Trước khi sang nhượng đất cho gia đình tôi thì bà Q vẫn sử dụng con đường đi mà hiện nay vợ chồng tôi đang tranh chấp với ông L1. Tuy nhiên sau đó thì bà Q không đi lại trên con đường đó mà đi bằng con đường từ phía Bắc vào, nên ông L1 đã lấy cành cây tấp đầu đường lại nhưng không rào chắn gì. Sau khi nhận chuyển nhượng đất từ bà Q thì vợ chồng tôi vẫn đi lại trên con đường này; thời điểm đó thì ông L1 chỉ gác ở đầu đường một cái cây ngang qua con đường, khi đi làm thì vợ chồng tôi chỉ cần dỡ cái cây lên là đi qua. Đến khoảng năm 2012 khi chúng tôi đi qua thì ông L1 có bảo với tôi (L) “*Con Loan mà cứ đi qua đường này thì con L2 (vợ ông L1) nó chặt chân đó*”. Do sợ mâu thuẫn nên sau đó vợ chồng tôi không đi lại trên con đường đó nữa. Đến khoảng 2019 thì ông L1 với bà L2 xây hàng rào lưới như hiện nay.

Sau khi sử dụng đất một thời gian do cần tiền nên tôi mới có ý định sang nhượng thửa đất của mình nên chúng tôi đã đến xã tham khảo để làm thủ tục sang nhượng đất thì cán bộ xã bảo với vợ chồng tôi là đất gia đình tôi có con đường đi từ đường nhánh vào song song với đất ông L1 đi qua đất gia đình tôi. Nếu không mở đường đó ra thì gia đình tôi không làm được thủ tục sang nhượng đất được.

Sau đó vợ chồng tôi đã đến nhà ông L1 để thương lượng nhưng không có kết quả, nên vợ chồng tôi đã khiếu nại đến UBND xã E. Tại buổi hòa giải ngày 28/9/2021 tại Ủy ban nhân dân xã E, vợ ông L1 là bà L2 đã thừa nhận có con đường nói trên và bà L2 đã đồng ý trả lại con đường. Tuy nhiên, sau đó bà L2, ông L1 không thực hiện nên buộc chúng tôi phải khởi kiện để yêu cầu Tòa buộc ông L1 tháo dỡ hàng rào, di dời cây cối để trả lại con đường như hiện trạng đã có và có vị trí như sau: Đông giáp đất ông L1, dài khoảng 20m, Tây giáp đất ông T3, dài khoảng 20m, Nam giáp đường đi, cạnh dài 3m, Bắc giáp đường đi cạnh dài 3m

Tuy nhiên căn cứ vào kết quả đo đạc ngày 21/2/2023 Công ty TNHH D1 thì con đường mà ông L1 bà L2 đã chiếm dụng có vị trí như sau: Đông giáp đất ông L1, dài 23,97m, Tây giáp đất ông T3, dài khoảng 23,32m, Nam giáp đường đi, cạnh dài 3m, Bắc giáp đường đi cạnh dài 2,62m

Vì vậy, vợ chồng tôi có xin thay đổi yêu cầu khởi kiện cụ thể vợ chồng tôi yêu cầu Tòa án buộc ông Đỗ Như L1, bà Trần Trần L2 phải tháo dỡ hàng rào, di dời tài sản cây trồng mà ông L1 bà L2 đã trồng để trả lại con đường có vị trí như sau: Đông giáp đất L1, dài 23,97m, Tây giáp đất ông T3, dài 23,32m, Nam giáp đường đi, cạnh dài 3m, Bắc giáp đường đi cạnh dài 2,62m.

*** Quá trình tham gia tố tụng, bị đơn ông Đỗ Như L1 trình bày:**

Năm 1988 tôi nhận chuyển nhượng của ông M (họ tên cụ thể tôi không rõ), thửa đất có vị trí như sau:

Đông giáp đất ông Nguyễn Hữu L5, dài khoảng 48m; Tây giáp đất của thôn quản lý (hiện nay là của ông Lê Phú T4, ông Lê Thái H4) dài khoảng 24m; Nam giáp đường nhánh dài khoảng 150m; B gồm 3 cạnh giáp đất ông Ba K (họ tên, địa chỉ cụ thể tôi không biết) nay là của vợ chồng ông T, bà L dài khoảng 70m; giáp bà Nguyễn Thị Q (địa chỉ hiện nay không rõ) nay là của vợ chồng ông T, bà L gồm 3 cạnh dài khoảng 40m, 24m, 24m; giáp đất bà H5, dài 15m.

Khi tôi nhận chuyển nhượng đất thì hướng Tây của thửa đất không có đường đi. Khoảng năm 1990, ông S nhận chuyển nhượng đất của ông Ba K1 (nay là đất bà L, ông T), năm 1992 ông S kết hôn với em gái tôi là bà Nguyễn Thị S1. Hiện đang cư trú tại: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk nên tôi cho bà S1 đi nhờ một lối đi ở phía Tây thửa đất của tôi để vào thửa đất bà S1, ông S. Vị trí lối mòn ở hướng Tây thửa đất của tôi mà tôi để cho bà S1, ông S đi nhờ cụ thể như sau:

Đông giáp đất của tôi dài khoảng 24m; Tây giáp đất của thôn quản lý (nay là của ông Lê Phú T4) dài khoảng 24m; Nam giáp đường nhánh, dài khoảng 2m; Bắc giáp lối mòn trên đất bà S1 dùng để đi dài khoảng 2m.

Năm 1998, sau khi bà S1 chuyển nhượng diện tích đất trên cho bà Nguyễn Thị Q thì tôi lấy lại diện tích đất cho đi nhờ, nhưng không rào lại.

Khoảng năm 1999 thửa đất của tôi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khi đó tôi đang là trưởng thôn, trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có trích lục thửa đất ở hướng Tây thửa đất có 1 con đường. Tuy nhiên, tôi không để ý nên không biết có con đường đó. Khoảng năm 2015 tôi xây hàng rào lưới B40 để chăn nuôi và trồng ở giữa con đường khoảng 2 đến 3 cây hoa sữa và trồng tiêu theo cây, 03 cây măng cầu thái, 01 cây mít ở gần đầu đường. Các cây trên hiện nay tôi đã đốn bỏ, chỉ còn gốc. Đến tháng 9 năm 2021 khi Ủy ban nhân dân xã G tôi lên giải quyết tranh chấp với vợ chồng ông T thì tôi mới biết trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thể hiện hướng Tây thửa đất của tôi có 1 con đường.

Tại biên bản hòa giải ngày 28/9/2021 tại Ủy ban nhân dân xã E, ban đầu tôi cũng có mặt. Tuy nhiên, khi đang tổ chức hòa giải thì tôi bị choáng nên tôi có nói ủy quyền cho vợ là bà Trần Thị L2 giải quyết còn tôi đi về trước. Tại buổi hòa giải bà L2 đồng ý trả lại con đường nên tôi không đồng ý vì diện tích đất đó là của vợ chồng tôi nhận chuyển nhượng. Nay vợ chồng ông T, bà L khởi kiện yêu cầu vợ chồng tôi tháo dỡ hàng rào, di dời cây cối tài sản trả lại nguyên trạng con đường có vị trí: Đông giáp đất tôi, dài 23,32m, Tây giáp đất ông T4, dài 23,97m, Nam giáp đường đi, cạnh dài 3m, Bắc giáp đường đi cạnh dài 2,62m tôi không đồng ý vì lý do sau: Đất trên là đất của tôi, tôi cho em gái là Nguyễn Thị S1 mượn chứ không hiến để làm đường, sau đó em tôi sang nhượng đất cho bà Q thì tôi lấy lại đất nên tôi không đồng ý trả lại đường theo yêu cầu của ông T, bà L.

+ Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Trần Thị L2, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đỗ Như D thống nhất với phần trình bày của ông Đỗ Như L1 không bổ sung gì thêm.

*** Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Nguyễn Thị Kim L3 trình bày:**

Gia đình tôi có thửa đất số 64 tờ bản đồ 33 diện tích 3.815,6 m². Có tứ cận như sau: phía Đông giáp đất nhà ông bà C; phía Tây giáp đường dân sinh; phía Bắc giáp đất nhà ông bà Lại T5; phía Nam giáp đất nhà L, T. Thửa đất trên đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 978241 do UBND huyện K cấp ngày 27/9/2005 cho hộ ông Dương Trọng N (Ông N chồng tôi đã chết). Về con đường hiện nay đang tranh chấp giữa gia đình bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn T với ông Đỗ Như L1, bà Trần Thị L2. Tôi được biết từ trước đến nay đã có con đường đi từ phía Nam vào qua đất ông Đỗ Như L1 đến đất bà L ông T rồi đến đất gia đình tôi. Tuy nhiên, hiện nay phần đường đoạn qua đất bà L2, ông L1 đã bị bà L2, ông L1 xây bít hai đầu phần qua đất ông L1. Việc ông L1 bà L rào bít đường cản trở việc đi lại của gia đình tôi. Hơn nữa con đường trên là đường công cộng. Do vậy, tôi đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật buộc ông L1, bà L2 tháo dỡ hàng rào trả lại con đường vốn đã có để gia đình tôi cũng như mọi người đi lại thuận tiện

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H1 trình bày:**

Gia đình tôi là chủ sử dụng thửa đất số 99, tờ bản đồ 33 diện tích 260,5m², Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 151815. Do UBND huyện K cấp ngày 29/4/2014 cho ông Nguyễn Hữu T6 và bà Trần Thị Bích K2, thay đổi cơ sở pháp lý cho ông Nguyễn Văn T7 và bà Trần Thị H1 ngày 22/5/2015. Thửa đất của gia đình tôi có tứ cận như sau: phía Đông giáp đất nhà ông bà Loan T8 (Hiện nay tôi mới biết là giáp đường dân sinh); phía Tây giáp mặt đường liên thôn; phía Bắc giáp đất nhà ông bà Liễu V; phía Nam giáp đất nhà ông bà Thương H6. Từ trước đến nay gia đình tôi đi lại bằng con đường liên thôn thuộc phía Tây thửa đất. Nhưng khi bà L, ông T8 khởi kiện yêu cầu ông L1, bà L2 mở lại con đường thì gia đình tôi mới biết phía Đông thửa đất của tôi có con đường đi từ đường nhánh qua đất ông L1 bà L2 đến đất bà L, ông T8, hiện tại phần đường đi qua đất ông L1, bà L2 đã bị ông L1, bà L2 rào bít lại. Xét thấy con đường trên là đường công cộng, không phải đất của ông L1, bà L2. Do vậy, tôi đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật buộc ông L1, bà L2 tháo dỡ hàng rào trả lại con đường vốn đã có để gia đình tôi cũng như mọi người đi lại thuận tiện

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn H2, bà Ngô Thị T9 trình bày:**

Vợ chồng tôi là chủ sử dụng thửa đất số đất số 99c; tờ bản đồ 33 diện tích 600 m². Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 473597. Do Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 12/12/2016 cho ông Huỳnh Văn H2. Thửa đất gia đình tôi có tứ cận như sau: Phía Đông giáp đất nhà ông bà Tuấn L6 (nay chúng tôi mới biết là giáp đường dân sinh); phía Tây giáp đường liên thôn; phía Bắc giáp đất ông bà Hồ N; phía Nam giáp đất nhà ông T4.

Từ trước đến nay gia đình tôi đi lại bằng con đường liên thôn thuộc phía Tây thửa đất. Nhưng khi bà L6, ông T8 khởi kiện yêu cầu ông L1, bà L2 mở lại con đường thì gia đình tôi mới biết phía Đông thửa đất của tôi có con đường đi từ đường nhánh qua đất ông L1 bà L2 đến đất bà L6, ông T8, hiện tại phần đường đi qua đất ông L1, bà L2 đã bị ông L1, bà L2 rào bít lại. Xét thấy con đường trên là đường công cộng, không phải đất của ông L1 bà L2. Do vậy, tôi đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật buộc ông L1, bà L2 tháo dỡ

hàng rào trả lại con đường vốn đã có để gia đình tôi cũng như mọi người đi lại thuận tiện

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị L4 trình bày:**

Tôi là chủ sử dụng thửa đất số đất số 85; với ông L1, bà L2 diện tích 2.389m². Thửa đất gia đình tôi có tứ cận như sau: phía Đông giáp đất ông bà Tuấn L6 và đất bà L3 (Nay tôi mới biết là giáp đường) phía Tây giáp đường liên thôn; phía Bắc giáp đất nhà ông bà Thanh T10; phía Nam giáp đất nhà H.

Từ trước đến nay gia đình tôi đi lại bằng con đường liên thôn thuộc phía Tây thửa đất. Nhưng khi bà L6, ông T8 khởi kiện yêu cầu ông L1, bà L2 mở lại con đường thì gia đình tôi mới biết phía Đông thửa đất của tôi có con đường đi từ đường nhánh qua đất ông L1 bà L2 đến đất bà L6, ông T8, hiện tại phần đường đi qua đất ông L1, bà L2 đã bị ông L1, bà L2 rào bít lại. Xét thấy con đường trên là đường công cộng, không phải đất của ông L1 bà L2. Do vậy, tôi đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật buộc ông L1, bà L2 tháo dỡ hàng rào trả lại con đường vốn đã có để gia đình tôi cũng như mọi người đi lại thuận tiện

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T1 trình bày:** Gia đình tôi đang sử dụng thửa đất có vị trí: Tây giáp đường liên thôn; Đông giáp với phần đường đang tranh chấp. Về nguồn gốc con đường đang tranh chấp tôi được biết: Tôi vào sinh sống tại thôn T, xã E năm 1991. Khi vào tôi ở nhờ nhà ông S (chồng bà S1) một thời gian. Thời điểm đó đất ông S không có đường đi, nên tôi và ông S đi tự do băng qua đất ông L1. Một thời gian sau ông S kết hôn với bà Nguyễn Thị S1 em ông L1, sau đó ông L1 có cho ông S, bà S1 mượn 1 phần đất của mình để lấy làm đường đi lại. Còn phần đường đi qua đất bà Nguyễn Thị Kim L3 và đất bà L6, ông L1 như hiện tại thì tôi không biết được hình thành từ thời gian nào.

Nay bà L6, ông T8 khởi kiện yêu cầu mở lại đoạn đường đi qua đất ông L1. Quan điểm của tôi như sau: Hiện tại gia đình tôi chỉ sử dụng con đường công cộng phía Tây và phía Bắc để đi lại đối với đoạn đường đang tranh chấp thì do từ trước đến nay gia đình tôi không sử dụng. Do vậy, việc mở lại con đường hay không thì đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết.

*** Người làm chứng ông Hoàng Ngọc C trình bày:**

Tôi vào sinh sống tại thôn T, xã E từ năm 1989 đến nay. Thời điểm mới đến sinh sống tại đây, tôi thấy phần đất mà ông L1, bà L6, bà L3 như hiện nay không có đường đi, các hộ có đất phân ranh giới bằng một ranh nhỏ chứ không có bờ rào. Việc những người có đất phía trong thì đi qua bờ ranh để vào đất của mình. Đối với phần đường đang tranh chấp giữa ông T8 với gia đình ông L1 thì nguyên phần đất của bà L6, ông T8 trước đây là của ông S (chồng bà S1), ban đầu ông đi vào đất mình là đi quan bờ ranh như đã khai ở trên. Sau khi ông S, bà S1 đến ở trên thửa đất mà hiện nay là của bà L6, ông T8 thì ông L1, bà L2 có cho ông S, bà S1 mượn một phần đất để lấy đường đi rộng khoảng 2m để vào đất ông S. Đối với phần đường đi qua đất bà L3 và đất bà L6 như hiện tại thì nguyên trước đất ông T11 đã bán cho bà L3 khi ông T11 sử dụng thì ông T11 đi lại bằng con đường từ đường chính vào băng qua đất bà Bốn N1 vào đất ông T11 và đi qua đất bà L6. Còn hiện nay vì sao trong bản đồ giải thửa và trong đất ông L1 có thể hiện con đường thì tôi không biết.

*** Người làm chứng bà Nguyễn Thị S1 trình bày:**

Tôi với ông Đỗ Như L1, bà Trần Thị L2 có quan hệ anh em họ, còn bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn T với tôi không có quan hệ gì với nhau cả. Từ trước đến nay giữa chúng tôi không có mâu thuẫn gì với nhau cả. Nguồn gốc thửa đất số 77 và thửa đất số 86, tờ bản đồ số 33 nguyên là của chồng tôi ông Lê Văn S2 (đã chết). Năm 1992 tôi kết hôn với ông Lê Văn S2, trước khi kết hôn với tôi thì ông S2 đi vào hai thửa đất nói trên bằng con đường theo hướng Bắc vào thửa đất. Do đi đường đó quãng đường dài, đi lại khó khăn nên sau khi tôi và ông S2 chung sống với nhau. Ban đầu tôi có ý định mua của ông L1 một phần đất để làm lối đi lại. Tuy nhiên, do tôi và ông L1 là anh em, nên ông L1 đã tự mở cho tôi con đường dài khoảng 27m, chiều rộng khoảng 2m đi qua đất ông L1 vào đến đất nhà tôi cho tôi đi lại. Đến năm 2008 ông S2 chết, tôi không có nhu cầu sử dụng hai thửa đất nói trên, nên tôi đã sang nhượng hai thửa đất nói trên cho bà Nguyễn Thị Q. Thời điểm tôi sử dụng đất thì trong sơ đồ giải thửa đã có đường chưa thì tôi không biết. Khi tôi sang nhượng đất cho bà Q thì tôi chỉ sang nhượng đất chứ không sang nhượng đường cho bà Q. Sau khi tôi sang nhượng đất cho bà Q thì tôi được biết ông L1 đã rào đoạn đường mà trước đó ông L1 đã tự mở cho tôi đi. Tôi chỉ sang nhượng đất của mình cho bà Q chứ không sang nhượng đường cho bà Q. Do vậy, đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

*** Tại bản án dân sự sơ thẩm số 62/2023/DS-ST, ngày 13 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:**

- Căn cứ Điều 5; khoản 14 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157; Điều 165, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 176, Điều 211 của Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ khoản 16 Điều 3 Luật đất đai 2013;

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26, khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị L.

Buộc ông Đỗ Như L1, bà Trần Thị L2 có nghĩa vụ tháo dỡ 28,91m hàng rào chân xây gạch cao 40cm, trụ bê tông (tám trụ) cao 1,8m, xung quanh bao lưới B40, cao 1,5m. Cụ thể phần hàng rào cần tháo dỡ phía Tây giáp đất ông T4 và đất ông H2, dài 23,32m, phía Nam giáp đường đi, cạnh dài 3m, đoạn phía Bắc giáp đường đi, dài 2,62m, di dời 01 cây muồng đen; 03 cây hoa sữa; 01 gốc mít; 03 cây măng cầu; 01 cây điều trả lại lối đi có tứ cận: Đông giáp đất ông L1, dài 23,97m, Tây giáp đất ông T4, ông H2, dài 23,32m, Nam giáp đường đi, cạnh dài 3m, Bắc giáp đường đi cạnh dài 2,62m. Tổng diện tích lối đi mà ông L1, bà L2 phải trả lại là 63,1m².

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 02/10/2023, bị đơn bà Trần Thị L2 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

T12 không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị L2; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 62/2023/DSST ngày 13/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị L2 làm trong hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên được xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị L xác định lối đi đang tranh chấp có từ trước năm 2011. Bị đơn ông Đỗ Như L1, bà Trần Thị L2 và người liên quan bà Nguyễn Thị S1 xác định lối đi đang tranh chấp có từ trước năm 1992 nhưng đây là lối đi ông L1, bà L2 mở trên đất của mình để bà S1 đi lại; sau khi bà S1 chuyển nhượng lại cho ông Q thì ông L1, bà L2 lấy lại lối đi.

Căn cứ kết quả đo đạc của Công ty TNHH D1, kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 21/02/2023 thể hiện lối đi hiện có tranh chấp có từ cận cụ thể như sau:

Phía Đông giáp đất ông L1, bà L2, có chiều dài 23,97m; Phía Tây giáp đất ông T4 và đất ông H2, cạnh dài 23,32; Phía Nam giáp đường đi, dài 3m; Phía Bắc giáp đường đất, dài 2,62m.

[2.2] Căn cứ vào sơ đồ thửa đất kèm theo GCNQSDĐ số BN 265078 đối với thửa đất số 77, tờ bản đồ số 33 và GCNQSDĐ số BN 265079 đối với thửa đất số 86, tờ bản đồ số 33, cấp cho ông T, bà L; GCNQSDĐ số P163164 đối với thửa đất số 98 tờ bản đồ số 33 cấp cho hộ ông Đỗ Như L1 đều thể hiện lối đi mà các bên tranh chấp có trên sơ đồ thửa đất.

Căn cứ tờ bản đồ địa chính số 33 thu thập tại UBND xã E cũng thể hiện lối đi mà hiện nay các bên đang tranh chấp được thể hiện trên bản đồ địa chính.

Vì vậy, có đủ căn cứ để xác định lối đi hiện nay các bên đang tranh chấp là lối đi chung của các hộ dân, được thể hiện trên bản đồ địa chính của Cơ quan quản lý hành chính Nhà nước về đất đai. Việc ông L1, bà L2 tự ý xây dựng công trình, trồng cây trên đất là trái pháp luật, cản trở trái pháp luật đối với việc thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của người khác.

[3] Từ những phân tích, nhận định nêu trên, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông T, bà L là có căn cứ. Vì vậy, Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị L2, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 62/2023/DS-ST, ngày 13 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo bà Trần Thị L2 là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1] Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị L2;

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 62/2023/DS-ST, ngày 13 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- Căn cứ Điều 5; khoản 14 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 157; Điều 165; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 176, Điều 211 của Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ khoản 16 Điều 3 Luật đất đai 2013;

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26, khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị L.

Buộc ông Đỗ Như L1, bà Trần Thị L2 có nghĩa vụ tháo dỡ 28,91m hàng rào chân xây gạch cao 40cm, trụ bê tông (tám trụ) cao 1,8m, xung quanh bao lưới B40, cao 1,5m. Cụ thể phần hàng rào cần tháo dỡ phía Tây giáp đất ông T4 và đất ông H2, dài 23,32m, phía Nam giáp đường đi, cạnh dài 3m, đoạn phía Bắc giáp đường đi, dài 2,62m, di dời 01 cây muồng đen; 03 cây hoa sữa; 01 gốc mít; 03 cây măng cầu; 01 cây điều trả lại lối đi có tứ cận: Đông giáp đất ông L1, dài 23,97m, Tây giáp đất ông T4, ông H2, dài 23,32m, Nam giáp đường đi, cạnh dài 3m, Bắc giáp đường đi cạnh dài 2,62m. Tổng diện tích lối đi mà ông L1, bà L2 phải trả lại là 63,1m².

2. Về chi phí tố tụng: Ông Đỗ Như L1, bà Trần Thị L2 phải chịu 6.900.000đ (Sáu triệu chín trăm nghìn đồng) tiền chi phí đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản (Ông T bà L đã nộp).

Ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị L được nhận lại số tiền 6.900.000đ (Sáu triệu chín trăm nghìn đồng) khi thu được từ ông L1, bà L2.

3. Về án phí:

[3.1] Án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Đỗ Như L1, bà Trần Thị L2 được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị L 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, theo biên lai thu số AA/2021/0016482 ngày 07/10/2022.

[3.2] Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Trần Thị L2 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Krông Pắc;
- Chi cục THA huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Ngọc Sâm